TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HSST
Ngày 21/09/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Phúc

Các hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Nguyễn Đình Hùng
- 2. Ông Ngô Hồng Khánh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Đình Nam - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên toà***:** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21/09/2023, tại Hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/HSST ngày 08/09/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 09 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T – Sinh ngày: 01/01/1977 tại Quảng Nam. Nơi thường trú và chổ ở: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 03/12. Số CCCD: 04977001317 cấp ngày 19/04/2021, nơi cấp: Bộ công an. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn B (Đã chết) và bà Hồ Thị X (Còn sống). Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 04 anh em. Bị cáo có vợ và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001 và con nhỏ nhất sinh năm: 2009.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Bi cáo hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 154a/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 15/09/2023. Có mặt tại phiên tòa

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị Xuân K, sinh năm: 1976. Trú tại: Thôn Phú Mỹ, xã Đại An, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2019, Nguyễn Văn T đến tại quán cà phê tại xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam để uống cà phê. Lúc này có một người đàn ông (không xác định được nhân thân lai lịch) đang ngồi uống cà phê tại quán đi đến

và hỏi Tùng "Anh có muốn làm giấy phép lái xe không ?" thì T hỏi "Giá bao nhiêu ?", người này báo giá 850.000 đồng thì T đồng ý đặt làm giả. Sau đó, T cung cấp chứng minh nhân dân và ảnh chụp chân dung của T cho người này (người đàn ông này lấy điện thoại cá nhân chụp lại chứng minh nhân dân và chụp ảnh chân dung của T). Sau đó, người này hẹn T mấy bữa sau đến lại quán cà phê rồi sẽ đưa giấy phép lái xe cho T. Đến khoảng một tuần sau, trên đường đi làm T cũng đến quán cà phê như đã hẹn trước đó để gặp người đàn ông nhận làm giấy phép lái xe giả cho mình, tại đây người đàn ông đưa cho T một Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn T có dán ảnh chân dung của T và in số 480122901952 ghi Sở giao thông vận tải Tp Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2019.

T sử dụng Giấy phép lái xe này tham gia giao thông. Đến ngày 15/01/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS 92E1-473.54 lưu thông trên đường Quốc lộ 14B theo hướng Đà Nẵng về Quảng Nam, khi đến Km 23+ 300 thuộc địa phận xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông dừng phương tiện kiểm tra. Lúc này, T xuất trình giấy phép lái xe hạng A1 mà mình đã đặt làm trước đó thì lực lượng Công an phát hiện giấy phép lái xe trên là giả. Qua làm việc tại Công an huyện Hòa Vang, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số 131/KL-KTHS ngày 21/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng kết luận "Giấy phép lái xe" trên là giả.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT – VKS - HV ngày 08/09/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tùng về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tùng từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Về xử lý vật chứng**:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ Luật hình sự:

Tuyên lưu trữ tại hồ sơ vụ án:

- Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn T số 480122901952 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2019. Qua giám định là giả.

- Đối với 01 xe mô tô BKS 92E1-473.54, số khung RLHJC7638JZ051927, số máy JC76E03762278. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đỗ Thị Xuân K là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã đề cập. Bị cáo không có ý kiến về mặt tội danh cũng như điều luật mà đại diện Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người đã tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để xác định:

Do có nhu cầu làm giấy phép lái xe ô tô hạng A1 để đối phó lực lượng chức năng khi tham gia giao thông nên Nguyễn Văn T đã có hành vi đặt làm giả một Giấy phép lái xe hạng A1 số 480122901952 mang tên Nguyễn Văn T do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2019.

Ngày 15/01/2023, khi Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS 92E1-473.54 lưu thông trên đường Quốc lộ 14B địa phận xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện.

Tại Kết luận số 131 ngày 21/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Giấy phép lái xe hạng A1 số 480122901952 mang tên Nguyễn Văn T do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2019 là giả.

Như vậy, hành vi phạm tội trên của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức " theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự như cáo trạng số: 77/CT – VKS -HV ngày 08/09/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Võ Đức Th có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng

Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Văn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo làm công việc phụ hồ xây dựng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với Giấy phép lái xe hạng 01 hạng A1 số 480122901952 mang tên Nguyễn Văn T do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2019 . Qua giám định xác định là giả. Xét thấy, đây là chứng cứ quan trọng trong vụ án nên cần tuyên lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe mô tô BKS 92E1-473.54, số khung RLHJC7638JZ051927, số máy JC76E03762278 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đỗ Thị Xuân K là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[**8**] Đối với các vấn đề khác:

Đối với đối tượng đã làm giả giấy phép lái xe hạng A1 cho Nguyễn Văn T, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu: 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tuyên:

- Quy trữ tại hồ sơ vụ án Giấy phép lái xe hạng 01 hạng A1 số 480122901952 mang tên Nguyễn Văn T do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2019 . Qua giám định xác định là giả.

Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ có trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Tòa án TP Đà Nẵng;*
- *VKSND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Công an huyện Hòa Vang*
- *PHSNV công an huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THA huyện Hòa Vang*
- *Những người Tham gia tố tụng*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thanh Phúc